

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yên Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

2. Ông Lê Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên
tòa:** Bà Ngô Thị Mỹ Trang - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21/10/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mộng T, sinh năm 1993

Địa chỉ: tổ 9, khu phố 4, ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Anh Lê Đình B, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre

(Chị T và anh B cùng có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mộng T trình bày:

Chị và anh Lê Đình B kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre; hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B không biết chăm lo cho gia đình, chỉ biết ăn chơi, cờ bạc, đá gà. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Lê Đình B nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Đình B, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh Lê Đình B có 2 con chung: Lê Thị Kim N, sinh ngày 24/8/2017; Lê Tuấn D, sinh ngày 09/7/2014. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 2 con chung, không yêu cầu anh Lê Đình B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc nên chị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Theo bị đơn anh Lê Đình B trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình kết hôn. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh B không đồng ly hôn với chị T vì anh còn thương vợ con.

- Về con chung: Anh B và chị T có 2 con chung: Lê Thị Kim N, sinh ngày 24/8/2017; Lê Tuấn D, sinh ngày 09/7/2014; hiện 2 con đang sống với chị T. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì anh đồng ý giao 2 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc nên anh B yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mộng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn anh Lê Đình B có yêu cầu xét xử vắng mặt và không đồng ý ly hôn với chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Lê Đình B chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong giai đoạn hòa giải.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Mộng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mộng T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

- Chị Huỳnh Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Lê Đình B và được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

- Bị đơn anh Lê Đình B hiện đang cư trú tại ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Chị Huỳnh Thị Mộng T và anh Lê Đình B đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mộng T và anh Lê Đình B tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 27/10/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị T cho rằng anh B không biết chăm lo cho gia đình, chỉ biết ăn chơi, cờ bạc, đá gà. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh B nữa nên xin được ly hôn. Về phía anh B, anh không đồng ý ly hôn với chị T vì lý do anh còn thương vợ con, nhưng Tòa án nhiều lần triệu tập họp lệ anh B đến tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng thì anh B lại không đến. Đồng thời, anh B cũng không đưa ra được biện pháp gì khả thi để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, hiện tại chị Huỳnh Thị Mộng T và anh Lê Đình B mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Huỳnh Thị Mộng T và anh Lê Đình B có 2 con chung: Lê Thị Kim N, sinh ngày 24/8/2017; Lê Tuấn D, sinh ngày 09/7/2014. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 2 con chung, không yêu cầu anh Lê Đình B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy các con chung đều còn nhỏ, hiện đang sống với mẹ và có cuộc sống, học tập, sinh hoạt ổn định. Đồng thời, phía anh B cũng đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị Huỳnh Thị Mộng T là người trực tiếp nuôi cả 2 con chung cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Xét việc chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị T và anh B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị Huỳnh Thị Mộng T phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mộng T đối với bị đơn anh Lê Đình B, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mộng T được ly hôn với anh Lê Đình B.

- Về con chung: Chị Huỳnh Thị Mộng T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con chung là cháu Lê Thị Kim N, sinh ngày 24/8/2017 và Lê Tuấn D, sinh ngày 09/7/2014 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh Lê Đình B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Lê Đình B được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T và anh B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T và anh B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Huỳnh Thị Mộng T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003970 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Mộng T và anh Lê Đình B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P, H. G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương